TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-PT
Ngày 17-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử và ông Nguyễn Anh Ửng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2021/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 125/2021/DS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị H; địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy H1, địa chỉ: 420 H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

Bị đơn: Ông Ngô Văn H2 - Có mặt và bà Nguyễn Thị N – Vắng mặt,

Cùng địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Do có kháng cáo của ông Ngô Văn H2 - Là bị đơn trong vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan H2 quen biết nên vợ chồng ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị H cho vợ chồng ông Ngô Văn H2 và bà Nguyễn Thị N vay nhiều lần tổng cộng số tiền 390.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 10/6/2020 cho vay số tiền 60.000.000 đồng, nguồn tiền của bà Vũ Thị Thùy T, lãi suất 2%/tháng, lần vay này bà N viết giấy và ký nhận nợ.

Ngày 18/6/2020 cho vay số tiền 60.000.000 đồng, ông Đ là người trực tiếp gửi vào tài khoản của ông H2 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch huyện Đ.

Ngày 23/6/2020 cho vay số tiền 200.000.000 đồng, nguồn tiền của ông Đ, bà H chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lần vay này bà N viết giấy và ký nhận nợ.

Ngày 13/7/2020 cho vay số tiền 70.000.000 đồng, ông Đ là người trực tiếp gửi vào tài khoản của ông H2 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch huyện Đ. Mục đích vay tiền là để ông H2, bà N trả tiền hàng (Ông H2, bà N làm nghề kinh doanh nông sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật). Thời hạn vay 01 tháng.

Về lãi suất thỏa thuận miệng theo quy định của pháp luật (Riêng khoản vay 60.000.000 đồng 10/6/2020 nguồn tiền của bà Trang thì lãi suất thỏa thuận 2%/tháng). Đến hạn, ông H2, bà N không trả nợ như thỏa thuận, mặc dù ông Đ, bà H đòi nợ nhiều lần. Do đó, ông Đ, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H2 và bà N thanh toán số nợ gốc 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng).Về tiền lãi: Tính đến ngày 22/10/2020 tiền lãi phát sinh tổng cộng các khoản lãi yêu cầu bị đơn trả là 25.249.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần khởi kiện về yêu cầu tính lãi. Cụ thể: Yêu cầu tính lãi trên tổng số nợ gốc 390.000.000 đồng từ ngày khởi kiện (Ngày 19/11/2020) đến ngày xét xử 21/10/2021 với mức lãi suất 0.83%/tháng, cụ thể 390.000.000 đồng x 0.83% x 11 tháng = 35.607.000 đồng.

Đối với các khoản tiền bà N cho rằng ông Đ, bà H còn nợ thì nguyên đơn có ý kiến như sau: Về khoản nợ 28.500.000 đồng: Đây là khoản nợ mua phân bón, vào ngày 13/3/2020 đã trả 10.000.000 đồng, còn nợ 18.500.000 đồng; khoản vay 100.000.000 đồng đã trả ngày 20/3/2020; khoản vay 40.000.000 đồng là có nhưng không phải vay ngày 21/4/2020 mà vay trong tháng 3/2020 và đã trả nợ cùng ngày 20/3/2020. Khoản nợ phân 06 tạ thành tiền 6.360.000 đồng là có. Như vậy hiện tại nguyên đơn chỉ còn nợ bị đơn số tiền 24.860.000 đồng, nếu ông H2, bà N yêu cầu thì ông Đ, bà H sẽ trả nợ.

Tại đơn trình bày và ý kiến đề ngày 01/7/2021, bị đơn ông Ngô Văn H2 và bà Nguyễn Thị N trình bày:

Trong quá trình làm ăn, ông Đ và bà H có vay tiền, mua phân bón của bị đơn nhưng chây ì không trả, buộc lòng bị đơn phải vay tiền của nguyên đơn để cấn trừ nợ, giữa hai bên chưa hề đối chiếu sổ sách để cấn trừ nợ. Trước khi khởi kiện thì nguyên đơn chưa hề thông báo cho bị đơn về việc trả nợ. Việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn là chưa đủ điều kiện khởi kiện. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Song thụ lý giải quyết là trái quy định của pháp luật, lẽ ra phải trả lại

đơn cho nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án vì chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Nguyên đơn và bị đơn cùng là người địa phương, trong cuộc sống có phát sinh nợ với nhau: Ngày 30/02/2019 nguyên đơn vay của bị đơn 28.500.000 đồng, lãi thỏa thuận 2%/tháng, hẹn ngày 30/12/2020 sẽ trả đủ. Đến ngày 13/3/2020 mới trả được 14.000.000 đồng, Ny sau đó vay lại 4.000.000 đồng, còn lại đến nay chưa trả cả gốc, lãi. Ngày 13/3/2020 nguyên đơn vay của bị đơn 100.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 2%/tháng, hẹn 02 tháng kể từ ngày vay sẽ trả đủ, đến nay chưa trả gốc, lãi. Ngày 21/4/2020 nguyên đơn vay của bị đơn 40.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 2%/tháng, hẹn 30 ngày kể từ ngày vay sẽ trả đủ, đến nay chưa trả gốc, lãi. Ngày 04/8/2020 nguyên đơn mua của bị đơn 06 tạ phân NPK Việt Nhật, thành tiền 10.600 đồng x 600 kg = 6.360.000 đồng, lãi thỏa thuận 1.5%/tháng, hẹn 02 tháng kể từ ngày vay sẽ trả đủ, đến nay chưa trả gốc, lãi. Bị đơn bà Nguyễn Thị N có vay riêng của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng, hẹn 10 ngày kể từ ngày vay sẽ trả đủ, đến nay bà N chưa trả vì nguyên đơn cũng chưa trả nợ cho bị đơn. Đối với hai khoản tiền 60.000.000 đồng và 70.000.000 đồng nguyên đơn chuyển vào tài khoản cho bị đơn Ngô Văn H2 là tiền của bà N nhờ ông Đ đi ngân hàng chuyển dùm chứ không phải vay như nguyên đơn khai. Ông Đ trước đây là người làm công cho ông H2, bà N nên bà N tin tưởng. Nguyên đơn có dấu hiệu phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản vì đã lợi dụng sự tin tưởng chiếm đoạt tài sản của bị đơn.

Người làm chứng bà Vũ Thị Thùy Trang trình bày: Bà Trang là hàng xóm quen biết với vợ chồng ông Đ, bà H và ông H2, bà N. Trước đây ông H2 có liên H2 với bà Trang vay tiền nhưng bà Trang từ chối. Sau đó ông Đ đến vay số tiền 60.000.000 đồng, bà Trang đã đi vay giúp ông Đ số tiền 60.000.000 đồng. Sau khi đưa số tiền 60.000.000 đồng cho bà H thì ông Đ bà H mới nói là vay tiền giúp cho ông H2, bà N. Khi cho vay tiền bà Trang có viết giấy cho vay và bà H ký nhận nợ. Về sau ông Đ bà H đã trả một phần nợ nên bà Trang đã hủy bỏ giấy cho vay đầu tiên nên không thể nhớ chính xác ngày cho vay tiền được, bà Trang chỉ nhớ đầu tháng 6/2020. Bà Trang xác nhận vào thời điểm cuối năm 2020 âm lịch (Giáp tết cổ truyền) ông Đ, bà H đến nhà ông H2, bà N đòi nợ vì chính bà Trang cũng là người tìm ông Đ, bà H để đòi nợ và cùng là hàng xóm nên bà Trang nhìn thấy. Bà Trang không có yêu cầu gì đối với ông Đ, bà H, ông H2, bà N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 125/2021/DS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

"Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị H.

Buộc ông Ngô Văn H2 và bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị H số tiền 425. 607.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng); trong đó 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng) tiền gốc và 35.607.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng) tiền lãi."

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí giám đính, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/11/2021 ông Ngô Văn H2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Bị đơn ông Ngô Văn H2 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng ông không có nghĩa vụ trả khoản nợ do vợ là bà Nguyễn Thị N vay của nguyên đơn vì hai người đã sống ly thân và không kinh doanh cùng nhau. Đồng thời đối với số tiền do ông Đ chuyển khoản vào tài khoản của ông là số tiền hàng ông đưa cho bà N nhờ ông Đ đi ngân hàng chuyển vào tài khoản dùm nên ông không đồng ý trả khoản nợ này. Do đó, đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định cảu Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của bị đơn ông Ngô Văn H2 tại phiên tòa phúc thẩm là chưa tôn thủ các quy định của pháp luật nên cần rút kinh nghiệm.

- *Về nội dung:* Sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông cho rằng đối với số tiền 260.000.000 đồng bà N vay của nguyên đơn thì đây là khoản vay riêng của bà N và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đây là khoản vay chung và sử dụng khoản vay này vào mục đích chung của gia đình. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H2 cùng với bà N trả khoản nợ này là không có căn cứ; đối với số tiền 130.000.000 đồng ông Đ chuyển khoản vào tài khoản của ông H2 thì hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đây là khoản tiền vay nên nguyên đơn chỉ có quyền đòi lại tài sản. Do đó cần xác định đây là quan H2 pháp luật "kiện đòi tài sản" chứ không phải "hợp đồng vay tài sản" như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định. Đồng thời không buộc bị đơn phải trả lãi đối với khoản tiền này. Vì vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ngô Văn H2, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không buộc ông H2 trả nợ cùng bà N cũng như xác định lại quan H2 tranh chấp là "kiện đòi tài sản" đối với số tiền ông Đ đã chuyển vào tài khoản của ông H2.

Từ những phân tích nêu trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn H2, sửa một phần bản án sơ thẩm số 125/2021/DS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn H2, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Ngô Văn H2 nộp trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn H2 cho rằng ông không biết và không sử dụng số tiền mà vợ ông (bà Nguyễn Thị N) vay 60.000.000 đồng vào ngày 10/6/2020 và số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 23/6/2020 nên không đồng ý trả cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo "giấy vay tiền" phía nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung bà N có vay số tiền 200.000.000 đồng và nhận nợ 60.000.000 đồng của khoản vay trước đó. Theo Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông thể hiện chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền này là của bà Nguyễn Thị N vợ của ông H2. Tại đơn trình bày ý kiến của ông H2, bà N cũng thừa nhận ngày 23/6/2020 bà N có vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng và thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn tiền với nhau nên đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự thì giao dịch vay tiền giữa ông Đ, bà H với bà N đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bên vay khi đến hạn. Do đó, hợp đồng vay tài sản này là hợp pháp. Đến hạn trả nợ mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở trả nợ nhưng bà N, ông H2 không trả nên đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự 2015.

Xét thấy, mặc dù các khoản vay này không có chữ ký của ông H2 nhưng tại đơn trình bày ý kiến ông H2, bà N thừa nhận hai vợ chồng cùng làm nghề kinh doanh thu mua nông sản, thuốc bảo vệ thực vật. Hai người là vợ chồng, sinh sống cùng nhau và cũng thừa nhận có nhiều lần vay mượn với nguyên đơn. Như vậy, việc ông H2 cho rằng không biết và không sử dụng số tiền này là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H2 cùng bà N có nghĩa vụ trả khoản tiền vay nêu trên cho phía nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn H2 cho rằng ông không đồng ý trả hai khoản vay 60.000.000 đồng và 70.000.000 đồng do ông Đ chuyển khoản vào tài khoản của ông H2 vì ông không có vay mà chỉ nhờ ông Đ đi nộp tiền vào tài khoản. Hội đồng xét xử xét thấy: Hồ sơ vụ án thể hiện vào ngày 18/6/2020 và 13/7/2020 ông Đ có nộp tổng số tiền 130.000.000 đồng vào tài khoản tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch huyện Đ cho ông Ngô Văn H2. Qua xác minh tại Ngân hàng thể hiện nội dung giao dịch là "nộp tiền". Do đó, việc ông Đ nộp tiền vào tài khoản cho ông H2 theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là có thật, được ông H2 thừa nhận nên đây là sự kiện pháp lý không phải chứng minh. Mặt khác, tại bản trình bày ý kiến (Bl số 122) thì ông H2, bà N cũng thừa nhận giữa ông, bà với ông Đ, bà H là người địa

phương, quen biết nên có quan H2 vay mượn tiền với nhau và do ông Đ, bà H còn đang nợ tiền ông, bà nên "bà Nguyễn Thị N có vay tiền của ông Đ, bà H để cấn trừ nợ và giữa hai bên đều chưa đối chiếu sổ sách để cấn trừ nợ". Qua xem xét bản sao kê nhận thấy Ny sau khi nhận tiền do ông Đ nộp vào tài khoản thì ông H2 đã chuyển tiền hàng cho người khác. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm ông H2 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc ông có nhờ ông Đ chuyển tiền vào tài khoản ngoài lời trình bày của ông. Vì vậy, mặc dù số tiền chuyển khoản không ghi nội dung cho vay nhưng qua các tình tiết của vụ án cũng như lời trình bày của các bên đương sự và quá trình làm ăn, vay mượn của các đương sự thể hiện đây là hợp đồng vay tiền với mục đích là để phục vụ việc kinh doanh chung của gia đình nên cấp sơ thẩm đã buộc ông H2, bà N phải trả khoản vay này cho ông Đ, bà H là phù hợp và có căn cứ. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông cho rằng đây là quan H2 kiện đòi tài sản là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Xét yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo "giấy vay tiền" (Bl số 43) phía nguyên đơn cung cấp đối với khoản vay 200.000.000 đồng ngày 23/6/2020 có ghi thời hạn trả (10 ngày) và nhận nợ đối với số tiền 60.000.000 đồng thời hạn vay "trong tháng" và cả hai món vay đều không thể hiện có tính lãi suất, bị đơn cũng không thừa nhận có lãi suất ngoài ra không có thỏa thuận nào khác. Do đó phải xác định đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn và không có lãi suất nên chỉ buộc bị đơn phải trả lãi chậm trả theo quy định từ ngày vi phạm hợp đồng mới đúng. Đối với số tiền 130.000.000 đồng ông Đ chuyển khoản cho ông H2 thì không thể hiện thời hạn trả và lãi suất nên chỉ buộc bị đơn phải trả lãi chậm trả theo quy định từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện mới đúng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là hợp đồng vay tiền có lãi suất và buộc bị đơn phải trả lãi là không có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng (10%/năm) tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến thời điểm xét xử sơ thẩm tương đương với lãi suất chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là phù hợp và có lợi cho bị đơn. Do đó, không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn H2. Xét đề nghị của đại diện Viện kểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là không có căn cứ chấp nhận và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 125/2021/DS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Ngô Văn H2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 159, Điều 160, Điều 161, khoản 2 Điều

227, khoản 1Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 117, Điều 166, Điều 169, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn H2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 125/2021/DS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị H.

Buộc ông Ngô Văn H2 và bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị H số tiền 425. 607.000 đồng *(Bốn trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng)*; trong đó 390.000.000 đồng *(Ba trăm chín mươi triệu đồng)* tiền gốc và 35.607.000 *đồng (Ba mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng)* tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí giám định: Buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn H2 và bà Nguyễn Thị N phải chịu 21.024.000 *(Hai mươi mốt triệu, không trăm hai mươi bốnnghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị H số tiền 10.305.000 đồng *(Mười triệu, ba trăm lẻ năm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai số 0002077 ngày 03 tháng 12 năm 2020.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn H2 phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001133, ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Lê Văn Hữu